

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÁC YẾU TỐ VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRÊN ĐẢO LÝ SƠN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘI HOÀNG SA - BẮC HẢI TRONG LỊCH SỬ

THS. TRỊNH XUÂN HẠNH*

Từ khóa: Cúng việc lễ, lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa, đội Hoàng Sa - Bắc Hải

Key words: Commemoration Festival, Hoang Sa (Paracel Islands) Soldier Feast and Commemoration Festival, Hoàng Sa - Bắc Hải (Paracel Islands)

Gần liền với quá trình hình thành và phát triển cộng đồng cư dân trên đảo Lý Sơn, đó là nền tảng văn hóa tín ngưỡng của người Việt nơi đây. Các hoạt động văn hóa, lễ hội hiện nay vẫn được bảo tồn, như: tế đình, tế thần tại các dinh, lăng thờ cúng âm hồn, thờ nữ thần, thờ cúng cá ông... Đặc biệt là những giá trị văn hóa phi vật thể gắn liền với đội Hoàng Sa - Bắc Hải cụ thể là: Lễ cúng "việc lễ" kết hợp với cúng "tế lính" tại các nhà thờ tộc họ có người đi Hoàng Sa và tại Âm Linh Tự vào dịp tháng 3 âm lịch, cùng với một hệ thống di tích kiến trúc tín ngưỡng được phân bố đậm đặc đã tạo nên vùng đất Lý Sơn trở thành một vùng đặc trưng tiêu biểu giàu bản sắc văn hóa truyền thống.

1. Khái quát về cư dân đảo Lý Sơn và đội Hoàng Sa - Bắc Hải trong lịch sử

Lý Sơn - một huyện đảo thuộc tỉnh Quảng Ngãi, nằm cách đất liền khoảng 18 hải lý về phía Đông Bắc, nằm trong dòng chảy chung của nền văn hóa miền Trung Việt Nam. Hòn đảo này có vị trí quan trọng trên tuyến đường hàng hải quốc tế và có sự giao lưu rộng mở trong khu vực. Từ thời Nguyễn cho đến nay, Lý Sơn được coi là đảo tiền tiêu trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh hải của Việt Nam và chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Di sản văn hóa trên đảo Lý Sơn phong phú và đa dạng. Trong chiều dài lịch sử khai phá và xây dựng hòn đảo có ba lớp cư dân Sa Huỳnh - Champa - Việt kế tục nối tiếp nhau theo trình tự thời gian trong khoảng từ thế kỷ IX, X trước Công nguyên đến nay. Dòng chảy văn hóa liên tục này đã đem lại hệ quả tất yếu về sự kế thừa, phát triển với nội lực dồi dào và mang tính đa dạng trên cơ sở của sự tiếp thu hội nhập, dung hòa của nền văn hóa sau với nền văn hóa trước đó, đồng thời có sự giao lưu với những nền văn

hóa đồng đại từ bên ngoài. Ba lớp văn hóa của cư dân Sa Huỳnh - Champa - Việt đã gắn bó chặt chẽ với sự hình thành và phát triển của đảo Lý Sơn.

Lớp văn hóa Việt hiện nay ở đảo Lý Sơn là sự tổng hòa các yếu tố văn hóa khác nhau được hình thành, chuyển hóa và phát triển. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, lớp cư dân đầu tiên đã tạo dựng nên Văn hóa Sa Huỳnh mang tính chất biển - hải đảo rất đặc trưng. Văn hóa Sa Huỳnh trên đảo Lý Sơn có nguồn gốc hình thành từ giai đoạn tiền Sa Huỳnh, kế tiếp sau văn hóa Sa Huỳnh về mặt thời gian, là lớp cư dân văn hóa Chăm, họ đã tạo dựng nên dạng văn hóa nông - chài kết hợp. Trên một số phương diện, văn hóa Chăm hầu như đã hòa nhập vào văn hóa Việt mà ngày nay, những mảnh vỡ ấy còn thấy ẩn hiện đâu đó trong di sản văn hóa Việt trên đảo. Cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, ở Lý Sơn, lớp văn hóa Việt hình thành trên cơ sở dung hợp với văn hóa Chăm bản địa, đồng thời bảo tồn, phát triển các yếu tố cơ bản của văn hóa Việt vùng châu thổ Bắc Bộ để tạo nên văn hóa Việt vùng hải đảo, đa dạng, phong phú với các thiết chế cộng đồng làng xã. Sự quần cư của các dòng họ, các sinh hoạt tín ngưỡng mang đậm tính chất nông - chài. Tất cả đều được bảo tồn tương đối nguyên vẹn cho đến ngày nay.

Về nguồn gốc, cư dân người Việt di cư ra đảo Lý Sơn, theo tài liệu gia phả của một số dòng họ trên đảo, vào những năm 1604 - 1610, có 15 người từ trong đất liền ra đảo khai phá và định cư, hình thành nên hai làng An Vĩnh và An Hải (lấy tên làng quê gốc để đặt tên cho làng mới khai phá). Ở làng An Vĩnh có bảy vị tiền hiền, gồm các dòng họ: Phạm Quang, Phạm Văn, Võ Văn, Võ Xuân, Lê, Nguyễn, Trần từ làng An Vĩnh thuộc xã Tịnh Kỳ, huyện Tịnh Sơn ra khai phá vùng đất phía Tây của đảo và lập ra phường An Vĩnh, nay là xã An Vĩnh. Làng An Hải có tám vị tiền hiền, gồm các dòng họ: Nguyễn, Dương, Trương, Trần, Võ, Nguyễn Đình, Nguyễn Văn, Lê từ

* Tạp chí Khoa học và chiến lược - Bộ Công an

làng An Hải thuộc xã Bình Châu ra khai phá vùng đất phía Đông và phía Nam đảo, lập ra làng An Hải. Xét về nguồn gốc thì người Việt ra định cư ở Lý Sơn là những cư dân Việt từ vùng Thanh - Nghệ di cư vào Quảng Ngãi theo các luồng di cư trong lịch sử, sau đó mới tiến ra đảo Lý Sơn. Vì vậy, ý thức về cội nguồn, về quê hương bản quán rất sâu đậm trong tâm thức của những lưu dân, tâm thức ấy được định hình và biểu hiện qua hình thức sinh hoạt thờ cúng tổ tiên, đó là tín ngưỡng “cúng việc lễ” hay “khao lễ”. Sau đó, triều đình thành lập ra đội Hoàng Sa (sau này thêm đội Bắc Hải) nhằm xác lập và thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở biển Đông thì đã xuất hiện tín ngưỡng Lễ khao lễ thể lính/tể lính Hoàng Sa vô cùng đặc sắc của cư dân trên đảo Lý Sơn.

Những ghi chép đầu tiên liên quan đến đội Hoàng Sa được đề cập đến trong *Toàn tập An Nam lộ* của Đỗ Bá Công Đạo, người xã Bích Triều, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An soạn năm Chính Hoà thứ 7 (1686), phần bản đồ phủ Thăng Hoa và phủ Quảng Ngãi, phía ngoài biển có vẽ Bãi Cát Vàng và ghi chú rõ: “Bãi cát vàng dài tới 400 dặm, rộng 20 dặm. Mỗi năm đến tháng cuối đông [chúa Nguyễn] đưa 18 chiếc thuyền đến đó [Bãi Cát Vàng] nhặt hàng hóa, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn”¹. Khoảng một thập kỷ sau, vị Hoà thượng người Trung Quốc nổi tiếng trụ trì ở chùa Trường Thọ, tỉnh Quảng Đông là Thích Đại Sán sang Đàng Trong trên đường về nước đã mô tả khá chi tiết về bãi cát Vạn Lý Trường Sa và cho biết: “Các Quốc vương thời trước [tức các chúa Nguyễn trước Nguyễn Phúc Chu (1691-1725)] hàng năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo các bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các thuyền hư hỏng dạt vào”². Năm 1701, nghĩa là chỉ 15 năm sau bản đồ Đỗ Bá và 4 - 5 năm sau Hải ngoại ký sự của Thích Đại Sán, các giáo sĩ người Pháp trên tàu Amphitrite khẳng định: “Paracel là một quần đảo thuộc về vương quốc An Nam”³.

Bên cạnh đó, theo như bộ chính sử được hoàn thành chỉ một thời gian ngắn sau *Phủ Biên tạp lục* là *Đại Việt sử ký tục biên*⁴ (1676 - 1789), do Quốc sử viện thời Lê Trịnh tổ chức biên soạn, nối tiếp vào quyển XIX sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, trong đó đoạn ghi chép về Hoàng Sa, Trường Sa trên căn bản không khác ghi chép của Lê Quý Đôn. *Đại Nam thực lục tiền biên* là phần đầu bộ chính sử của vương triều Nguyễn được khởi soạn năm 1821, hoàn thành và khắc in năm 1844, nhân nói đến sự kiện tháng 7 năm 1754 “dân đội Hoàng Sa ở Quảng Ngãi đi thuyền ra đảo Hoàng Sa, gặp gió dạt vào hải phận Quỳnh Châu nước Thanh. Tổng đốc Thanh hậu cấp cho rỗi cho đưa về. Chúa [Nguyễn Phúc Khoát] sai viết thư [cám

ơn]” đã mô tả Vạn Lý Trường Sa và các đội Hoàng Sa, Bắc Hải được tổ chức từ thời “quốc sơ” (tức là từ thời các chúa Nguyễn đầu tiên) không có gì khác với *Phủ biên tạp lục* và *Đại Việt sử ký tục biên*⁵.

Căn cứ vào các tài liệu chính sử còn ghi lại, đội Hoàng Sa ra đời vào thời kỳ chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1614 - 1635), hay nói một cách khác, chúa Nguyễn Phúc Nguyên chính là người đã lập ra đội Hoàng Sa - một hình thức khai chiếm, xác lập và thực thi chủ quyền hết sức độc đáo trên các vùng quần đảo giữa biển Đông⁶. Cuốn sách cổ ghi chép tương đối đầy đủ và cụ thể về đội Hoàng Sa là *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn được viết vào năm 1776, có ghi rằng: “Phủ Quảng Ngãi ở ngoài cửa biển xã An Vĩnh huyện Bình Sơn có núi gọi là Cù Lao Ré, rộng hơn 30 dặm, trước có phường Tú Chính, dân cư trồng đậu, ra biển 4 canh thì đến; phía ngoài nữa lại có đảo Đại Trường Sa, trước kia có nhiều hải vật và những hóa vật của tàu, lập đội Hoàng Sa để đi lấy, đi 3 ngày 3 đêm thì mới đến, là chỗ gần xứ Bắc Hải”⁷. Và, “Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào cắt phiên, mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng 5 chiến thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy”⁸.

Đội Hoàng Sa qua ghi chép của Lê Quý Đôn và tất cả các nguồn sử liệu chính thức đã xác thực là được thành lập trên cơ sở tuyển chọn 70 dân đinh xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi. An Vĩnh là một xã ở cửa biển Sa Kỳ (về phía Nam), nay là địa bàn thôn An Vĩnh, xã Tịnh Kỳ, huyện Tịnh Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Xã An Vĩnh vào thời điểm chúa Nguyễn tuyển chọn dân đinh tổ chức ra đội Hoàng Sa bao gồm hai khu vực cách xa nhau là làng (thôn) An Vĩnh ở cửa biển Sa Kỳ trong đất liền và xóm (phường) An Vĩnh ở ngoài cù lao Ré (nay là xã An Vĩnh, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi)⁹. Vào trước thời điểm phường An Vĩnh được tách ra khỏi xã An Vĩnh, những dân đinh xã An Vĩnh được tuyển vào đội Hoàng Sa mặc nhiên phải bao gồm cả dân đinh làng An Vĩnh trong đất liền và phường An Vĩnh ngoài cù lao Ré. Công việc tổ chức nhân lực, chuẩn bị hậu cần và mọi mặt cho các chuyến đi ra Hoàng Sa và Trường Sa đều do xã trưởng và bộ máy chức dịch trong đất liền và phường An Vĩnh ở cù lao Ré cùng thực hiện. Địa điểm xuất phát cho đội Hoàng Sa tiến ra biển khơi có thể ở cả cù lao Ré và cửa biển Sa Kỳ, nhưng cửa biển Sa Kỳ là bến chính thức theo quy định của chính quyền trung ương. Như vậy, có thể nói rằng, đội Hoàng Sa mỗi năm có 70 suất, vốn chủ yếu là người An Vĩnh trong đất liền và đến đầu thế kỷ XIX trở về sau là người An Vĩnh ngoài hải đảo.

Chức năng của đội Hoàng Sa là gì? Theo sách *Phủ*

Biên tập lục (Quyển II), Lê Quý Đôn đã khảo tả khá cụ thể về hoạt động chính của đội Hoàng Sa: “cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Ở đây tha hồ bắt chim bắt cá mà ăn. Lấy được hoá vật của tàu, như là gương, ngựa, hoa bạc, tiền bạc, hòn bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên, cùng là kiếm lược vỏ đồi mồi, vỏ hải ba, hải sâm, hột ốc vãn rất nhiều. Đến kỳ tháng 8 thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp, cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vãn, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh bằng trở về”¹⁰. Bên cạnh đó, tờ đơn xin chấn chỉnh lại đội Hoàng Sa của phường An Vĩnh cù lao Ré để ngày 15 tháng Giêng năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) đã nói rất rõ: “Bây giờ chúng tôi lập hai đội Hoàng Sa và Quế Hương như cũ gồm thêm dân ngoại tịch, được bao nhiêu xin làm sổ sách dâng nạp, vượt thuyền ra các cù lao ngoài biển tìm nhặt các hạng đồng, thiếc, hải ba, đồi mồi được bao nhiêu dâng nạp. Nếu như có truyền báo xảy chinh chiến, chúng tôi xin vứng lòng ứng chiến với kẻ xâm phạm, xong việc rồi chúng tôi lại xin tờ sai ra tìm nhặt bảo vật cùng thuế quan đem phụng nạp, xin dốc lòng làm theo sở nguyện chẳng dám kêu ca...”¹¹.

Theo GS. Nguyễn Quang Ngọc, những dân binh tham gia đội Hoàng Sa, theo quy định của nhà nước họ là các “quân nhân” thực hiện các nghĩa vụ nhà nước giao cho một cách chặt chẽ và chuẩn xác: Cứ tháng 2 nhận giấy sai đi (nghĩa là khi đi ra biển phải có quyết định của triều đình) và tháng 8 về đất liền phải đưa thuyền thẳng vào cửa Eo đến thành Phú Xuân trình báo, nộp sản phẩm và lĩnh bằng (tức là được triều đình xác nhận là đã hoàn thành nhiệm vụ của năm). Đội Hoàng Sa được tổ chức như thế không thể nói là không mang tính chất của một đơn vị quân đội có kỷ luật chặt chẽ. Phạm vi hoạt động của đội Hoàng Sa lúc đầu theo nguyên tắc là vùng hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa¹².

Đối với đội Bắc Hải, sau một thời gian thực hiện, nhận thấy đội Hoàng Sa dù có cố gắng đến mấy thì cũng không thể nào bao quát hết được toàn bộ các vùng biển đảo giữa biển Đông, nên chúa Nguyễn đã quyết định lập thêm đội Bắc Hải. Lê Quý Đôn cho biết: “Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận, hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần đồ, cho đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lược vật của tàu và các thứ đồi mồi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai Cai đội Hoàng Sa kiêm quản. Chẳng qua là lấy các thứ hải vật, còn vàng bạc của

quý ít khi lấy được”¹³. Địa bàn hoạt động tương đương với khu vực quần đảo Trường Sa, tuy hoạt động độc lập nhưng về nguyên tắc đội Bắc Hải vẫn do đội Hoàng Sa kiêm quản.

Theo sách *Đại Nam thực lục Chính biên* thì ngay sau khi thành lập Vương triều Nguyễn được vài tháng, vào năm 1803, vua Gia Long “lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm Thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập đội Hoàng Sa”¹⁴. Cùng với đội Hoàng Sa, ông cũng cho lập lại đội Bắc Hải. Đến đây đội Hoàng Sa đã thực sự trở thành một đơn vị quân đội của nhà Nguyễn dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Phú Nhuận hầu Võ Văn Phú là người xã An Vĩnh. Vào năm 1805, ông “hạ lệnh cho từ Quảng Bình vào đến Nam Bình Thuận đều ghi sổ thuyền, số người các đội Trường Đà để tâu lên. (Quân Trường Đà trước có các đội công sai là Kỳ Hải, Mã Hải, Hoàng Sa (sách chép nhầm là Sa Hoàng), Bắc Hải, Long Yên, Trường Thọ, Đại Lê lấy dân ở ven biển sung vào, Quảng Bình 10 xã thôn phường Cừ Hà, Lý Hòa, Thuận Cô, Cảnh Dương, Lộc Điền, Chi Giáp, An Náu Nam Biên và An Náu Bắc Biên, Nội Hà, Đế Vồng, có 183 chiếc thuyền, 1427 người; từ Quảng Trị vào Nam đến Bình Thuận có 327 chiếc thuyền, 1604 người). Đổi đội Trường Thọ làm đội Trường Thuận”¹⁵. Như thế có thể biết, các đội Hoàng Sa, Bắc Hải đời Gia Long thuộc quân Trường Đà và người của đội Hoàng Sa đều được các nguồn tài liệu ghi chép thống nhất là “quân nhân” (tức là lính của nhà nước)¹⁶.

Liên tục trong các năm 1815, 1816, vua Gia Long sai đội Hoàng Sa “ra đảo Hoàng Sa thăm dò đường biển”¹⁷. Như thế, ta biết rõ hơn một chức năng nữa của đội Hoàng Sa (hay một nhiệm vụ chính của đội Hoàng Sa) trong những năm 1815 - 1816 là khảo sát, đo đạc, xác định hải trình ở khu vực giữa Biển Đông. Việc vua Gia Long quan tâm sâu sắc đến vị trí và hải trình quần đảo Hoàng Sa trong những năm có tính chất bản lề này càng thể hiện rõ quyết tâm kiểm tra, kiểm soát và bảo vệ trọn vẹn vùng biển đảo của vương triều¹⁸.

Như vậy, nhiệm vụ của đội Hoàng Sa rất nặng nề, không thuận tụy về kinh tế, khai thác tài nguyên mà còn làm công tác xem xét, đo đạc thủy trình, do thám trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, nhất là trong thời kỳ các chúa Nguyễn và thời kỳ đầu nhà Nguyễn. Sự tồn tại của đội Hoàng Sa đến năm 1876 thì bị bãi bỏ vì Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược, hải quân Pháp uy hiếp mặt biển của Việt Nam khiến cho các hoạt động của hải quân Việt Nam bị đình trệ¹⁹.

2. *Từ tín ngưỡng cúng việc lễ/khao lễ đến tín ngưỡng Lễ khao lễ thế/tể lính Hoàng Sa và một số tín ngưỡng dân gian khác*

Theo như sự giải thích của những người cao niên và các trưởng họ tộc trên đảo Lý Sơn, từ “việc lễ” là “việc” làm thường niên và trở thành “lễ/lễ”. Vì vậy, có thể hiểu “việc lễ” là công việc thực hiện thường niên và trở thành “lễ” hay “lễ” của mỗi dòng họ. Cúng việc lễ là sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên thường niên của mọi tộc họ - công việc trở thành lễ và là sinh hoạt truyền thống thờ cúng tổ tiên mang tính riêng biệt của từng dòng họ. Nội dung của nghi thức cúng việc lễ ở Lý Sơn cũng khá đa dạng, gồm nhiều nội dung được đan xen vào nhau, như: cúng việc lễ, cúng tế lính Hoàng Sa, cô hồn, cầu an cho dòng họ và sau cùng là cúng đất - thần đất²⁰.

Nhìn một cách cụ thể hơn, cúng việc lễ là một dạng “giỗ họ” là ngày “hiệp kỵ” tổ tiên của một dòng họ. Trước hết, cúng việc lễ là cúng các vị thủy tổ dòng họ di cư, khẩn hoang, lập nên cuộc sống mới ở vùng đất mới. Tuy nhiên, theo phong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt thì sau năm đời, người mất trong họ sẽ được chuyển về nhà thờ họ tộc để thờ cúng. Vì vậy, nhà thờ họ không chỉ là nơi thờ ông thủy tổ mà còn là nơi thờ cúng chung của con cháu trong họ (qua năm đời). Cúng việc lễ là sinh hoạt tín ngưỡng mang tính chất riêng tư của từng dòng họ nên mỗi họ tự quy ước với nhau về ngày cúng, thức cúng và nghi lễ phù hợp với từng tộc họ.

Ở Lý Sơn có nhiều tộc lớn, hàng năm cứ đến tháng 2, 3 Âm lịch đều tổ chức cúng việc lễ. Đây cũng là thời gian tổ chức lễ thanh minh theo phong tục của người Việt, vì vậy, ngoài ý nghĩa là “giỗ họ” còn mục đích là “cầu an” cho con cháu trong tộc họ. Đến ngày cúng việc lễ, con cháu trong dòng họ tập trung về nhà thờ tộc để dự lễ cúng. Sau khi sửa soạn lễ vật xong, ông trưởng tộc đứng ra khẩn vái tổ tiên ở bên trong nhà thờ. Sau đó, theo thứ bậc, con cháu trong tộc thay nhau vái lạy tổ tiên. Kết thúc buổi tế cáo tổ tiên trong nhà, ông trưởng tộc mang gia bản được đặt trên bàn thờ ra để kiểm tra và điền tên những người trong họ đã mất sau khi mãn tang. Tính chất cúng việc lễ là giỗ họ của mỗi tộc được thể hiện rất rõ qua nghi thức cúng và nội dung bài văn tế của mỗi dòng họ.

Cúng việc lễ là một tín ngưỡng đặc thù của nhân dân đảo Lý Sơn, được hình thành từ thời khẩn hoang, lập làng trên đảo. Hiện nay, tất cả các dòng họ ở đảo Lý Sơn đều còn lưu giữ nghi thức tín ngưỡng cúng việc lễ và các nghi thức cúng khá đậm nét, biểu hiện tính cố kết tinh thần tộc và lòng biết ơn của con cháu đối với tổ tiên. Đồng thời, việc cúng việc lễ gắn liền với lễ cúng tế lính/tế lính Hoàng Sa.

Cúng việc lễ và tế lính Hoàng Sa là hai nội dung có quan hệ gắn kết chặt chẽ và được thực hiện như là một nghi thức mang tính chất bắt buộc của các

dòng họ có người đi lính Hoàng Sa, thể hiện qua câu ca: tháng Hai khao lễ tế lính Hoàng Sa. Thực tiễn hoạt động của đội Hoàng Sa xưa, trong điều kiện đi lại trên biển bằng những phương tiện thô sơ và thực tế khắc nghiệt là thường “một đi không trở lại”, nên hiện nay trên đảo tồn tại nhiều ngôi mộ kiểu “chiêu hồn nhập cốt” của cai đội Phạm Quang Ảnh, Võ Văn Khiết, Phạm Hữu Nhật và một số “mã liếp” của các chiến sỹ đội Hoàng Sa đã bỏ mình nơi biển cả. Những người lính đó được thờ tại di tích Âm linh tự với biểu tượng tháp thờ chiến sỹ trận vong và một số đền thờ để ngàn đời nhớ đến công lao của họ. Đặc biệt là lễ khao lễ tế lính/tế lính Hoàng Sa xưa được tổ chức vào dịp cúng việc lễ của họ tộc.

Nguồn gốc của lễ khao lễ tế lính Hoàng Sa đó là, ngày xưa trước khi lên đường làm nhiệm vụ, lễ được tổ chức tại đình làng để tiễn đưa. Theo quan niệm của người dân, nếu được “cúng tế” thì đội Hoàng Sa khi làm nhiệm vụ trên biển sẽ được bình an khi đi biển và trở về, nên trong buổi lễ, người ta làm một cỗ thuyền bằng thân cây chuối và những hình nhân thể mạng bằng tre có dán giấy ngũ sắc, đặt hình nộm lên thuyền để làm giả những đội binh thuyền Hoàng Sa, đem ra tế tại đình, tế xong thả ra biển với mong muốn những hình nộm kia sẽ chịu mọi rủi ro thay cho những người lính Hoàng Sa và tạo niềm tin và ý chí cho những người lính hoàn thành nhiệm vụ theo lệnh vua ban. Về sau khi những người lính Hoàng Sa “một đi không trở lại” các tộc họ có người đi lính Hoàng Sa đã tự tổ chức tế lễ theo nghi thức xưa tại nhà thờ tộc họ mình để tưởng nhớ và trở thành phong tục đẹp, một dấu ấn văn hoá tâm linh trong đời sống của các thế hệ người Lý Sơn.

Nghi lễ khao lễ tế lính được bắt đầu vào giữa đêm, tức là vào khoảng 0 giờ ngày 16 tháng 2 Âm lịch. Chọn như vậy là vì thời gian này là giờ thiêng, khí trời còn yên ắng. Ban tế tự dòng họ là lễ túc yết, gọi là lễ tiên thường nhằm tế cáo với các vị tổ tiên. Lễ vật trong lễ túc yết gồm trầu rượu, bánh khô. Nghi lễ được diễn ra theo nghi thức thọ mai gia lễ, gồm sơ hiến, á hiến và chung hiến lễ. Trưởng tộc chỉ nhất là chủ bái, các trưởng chi phái đứng hai bên phân hiến. Trong tế lễ có điển văn, xương văn, ban nhạc ngũ âm và trống chiêng. Trong lễ này không đọc văn tế, chỉ khẩn nguyện với ông bà tổ tiên biết việc con cháu tộc họ tổ chức cúng việc lễ và tế lính, nhằm tưởng nhớ các vị binh phu của tộc họ đã hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Đến đầu giờ sáng sớm, khi con cháu tộc họ tập trung đầy đủ về nhà thờ tộc họ thì mới tiến hành lễ tế chính.

Song song với việc cúng việc lễ, ban tế tự cũng làm lễ tế lính tại bàn lễ hội đồng, nơi đặt linh thuyền

các vị binh phu đội Hoàng Sa - Bắc Hải. Khi lễ cúng việc lễ kết thúc, đồng thời lễ tế lính cũng được hoàn tất. Lúc này cụ trưởng tộc cử một nhóm người đại diện là con cháu trong tộc họ đưa linh thuyền trên bàn lễ hội đồng đem ra biển thả về hướng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đội Hoàng Sa - Bắc Hải đã không còn hoạt động từ lâu nhưng việc tổ chức lễ khao lễ tế lính Hoàng Sa tại các nhà thờ tộc họ và đình làng An Vĩnh vẫn được duy trì thường niên để tưởng nhớ công đức của các thế hệ cha ông nhằm góp phần khẳng định chủ quyền thiêng liêng trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đồng thời, góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống có từ lâu đời trên đảo Lý Sơn mang tính đặc trưng tiêu biểu. Tiếp nối truyền thống của ông cha ta ngày xưa, hiện nay hai xã An Vĩnh và An Hải đều tổ chức thành lập nghiệp đoàn nghề cá, khuyến khích ngư dân tiếp tục vươn khơi, bám biển, gìn giữ ngư trường truyền thống và khẳng định chủ quyền thiêng liêng trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Kết luận

Có thể nói, các yếu tố văn hóa dân gian của cư dân trên đảo Lý Sơn có vai trò quan trọng trong việc minh chứng cho quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có liên quan đến hai đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải. Đồng thời, đây là những giá trị văn hóa đặc sắc quý giá không chỉ của cư dân Lý Sơn mà của cả dân tộc, nhất là đối với những giá trị văn hóa biển của Việt Nam./.

T.X.H

Tài liệu tham khảo:

- 1- Phần chú bằng chữ Nôm *Toàn tập An Nam lộ* trong *Thiên hạ bản đồ*, lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.2628. Xem trong Nguyễn Quang Ngọc (2012), "Đội Hoàng Sa: Cách thức thực thi chủ quyền độc đáo của Việt Nam trên các vùng quần đảo giữa biển Đông trong các thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (143), tr. 5.
- 2- Thích Đại Sán, *Hải ngoại kỷ sự*, Viện Đại học Huế, tr. 125.
- 3- Jean.Yves Claves, *Journal de Voyage aux Paracels* (Indo-chine No 45, 1941, tr. 7). Nguyễn Quang Ngọc (2012), "Đội Hoàng Sa: Cách thức thực thi chủ quyền độc đáo của Việt Nam trên các vùng quần đảo giữa biển Đông trong các thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (143), tr. 5.
- 4- *Đại Việt sử ký tục biên* (1676 - 1789), Bản dịch Nxb. KHXH, Hà Nội, 1991, tr. 243 - 244.
- 5- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, T.I, Bản dịch Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 164.
- 6- Nguyễn Quang Ngọc (2012), *Đội Hoàng Sa: Cách thức thực thi chủ quyền độc đáo của Việt Nam trên các vùng quần đảo giữa biển Đông trong các thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX*, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (143), tr. 5.

- 7- *Lê Quý Đôn toàn tập*, T.1, *Phủ Biên tạp lục*, Bản dịch, Nxb. KHXH, Hà Nội 1977, tr.116.
- 8- *Lê Quý Đôn toàn tập*, T.1, *Phủ Biên tạp lục*, Bản dịch, Nxb. KHXH, Hà Nội 1977, tr. 119.
- 9- Căn cứ vào tờ đơn của phường An Vĩnh ở cù lao Ré xin tách ra khỏi xã An Vĩnh thì được biết phường này do người xã An Vĩnh chiếm dụng được xứ cù lao Ré ngoài biển lập ra đã lâu đời và từ năm Quý Tỵ (1773) phường đã làm đơn xin được biệt lập với xã An Vĩnh thành một đơn vị hành chính độc lập. Cũng ngay sau đó dân phường An Vĩnh không vào thờ cúng tại chùa, đình, miếu của làng An Vĩnh trong đất liền nữa mà đã lập ra đình, chùa, miếu ở cù lao Ré để thờ cúng riêng. Như thế, đến cuối thế kỷ XVIII, phường An Vĩnh trên cù lao Ré đã tách hẳn ra khỏi làng gốc thành một làng riêng và đến năm Gia Long thứ 3 (1804) phường An Vĩnh mới chính thức được tách khỏi xã An Vĩnh trở thành một đơn vị hành chính cấp cơ sở trực thuộc huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi.
- 10- *Lê Quý Đôn, Toàn tập (Phủ biên tạp lục)*, T.I, *Sđd*, tr. 119-120. Quyển II chép về hình thế núi sông, thành lũy, trị sở, đường sá, bến đò, nhà trạm hai xứ Thuận Hóa Quảng Nam.
- 11- Tư liệu còn được lưu giữ tại nhà thờ họ Võ, thôn Tây, xã Lý Hải, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Theo, Nguyễn Quang Ngọc (2012), *Đội Hoàng Sa: Cách thức thực thi chủ quyền độc đáo của vn trên các vùng quần đảo giữa Biển Đông trong các thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX*, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (143), tr. 9.
- 12- Nguyễn Quang Ngọc (2012), "Đội Hoàng Sa: Cách thức thực thi chủ quyền độc đáo của vn trên các vùng quần đảo giữa Biển Đông trong các thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (143), tr. 9.
- 13- *Lê Quý Đôn: Toàn tập (Phủ biên tạp lục)*, T.I, *Sđd*, tr. 120.
- 14- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, T I, *Sđd*, tr. 556.
- 15- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, T I, *Sđd*, tr. 634.
- 16- GS. Trần Kinh Hòa trong *Khảo cứu lại lịch sử quần đảo Tây Sa và quần đảo Nam Sa* (tiếng Nhật) cũng cho rằng, trong văn bản sách Đại Nam thực lục đã chép nhầm "Hoàng Sa" thành "Sa Hoàng". Đội Trường Đà theo Trần Kinh Hòa "cũng giống như các đội thuyền làm nhiệm vụ đặc biệt trên biển".
- 17- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, T I, *Sđd*, tr. 898.
- 18- Nguyễn Quang Ngọc (2012), "Đội Hoàng Sa: Cách thức thực thi chủ quyền độc đáo của vn trên các vùng quần đảo giữa biển Đông trong các thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX", *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (143), tr. 9 - 10.
- 19- Theo *Sơ lược lại lịch đình làng An Vĩnh huyện đảo Lý Sơn*, Tài liệu lưu giữ tại đảo Lý Sơn.
- 20- Phan Đình Độ (2008), "Tin ngưỡng cúng việc lễ của cư dân ở đảo Lý Sơn", trong *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội 2008, tr. 247 - 248. (Ngày nhận bài: 21/7/2014; Ngày phản biện đánh giá: 29/7/2014; Ngày duyệt đăng bài: 21/8/2014)